

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán
Auditing and accounting financial consultancy service Company (AASC)
01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà nội
Tel: 04-8241990/1 Fax: 04-8253973
Email: aasc-ndd@hn.vnn.vn / aaschn@hn.vnn.vn Website: www.aasc.com.vn

Khách hàng: Công ty Cổ phần In Diên Hồng
Niên độ: cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Khoản mục: Tổng hợp
Bước công việc: Tổng hợp các bút toán điều chỉnh

Tham chiếu:
Người thực hiện: Nguyễn Tuấn Anh
Ngày thực hiện:

BẢNG TỔNG HỢP CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH										
Stt	Mã DV	Tham chiếu	Nội dung nghiệp vụ	Điều chỉnh trên KQKD và CDKT			Điều chỉnh trên CDKT			Ý kiến khách hàng
				TK Nợ	TK Có	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Số tiền	
			NĂM NAY							
1	-		Điều chỉnh tiền ứng trước hợp đồng ủy thác nhập khẩu máy in	331n	2411	2,398,453,200	331N	241	2,398,453,200	
2	-		Điều chỉnh hủy bút toán tạm phân phối lợi nhuận năm 2010	415	421	23,161,562	415	421	23,161,562	
				3531	421	115,807,811	3531	421	115,807,811	
			Bút toán điều chỉnh theo kiến nghị của đơn vị							
3	-		Điều chỉnh công nợ ghi nhận nhằm đối tượng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục sang Ông Lê Minh Lộc.	3388	3388N	12,424,671	3388	3388N	12,424,671	
				3388	3388	72,729,668	3388	3388	72,729,668	
4	-		Điều chỉnh bù trừ công nợ phải thu - phải trả trên 2 tài khoản của Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục	3388	1388	72,729,668	3388	1388	72,729,668	
5	-		Điều chỉnh phải thu tiền bảo hiểm của Ông Quý đã chuyển công tác sang Nhà xuất bản (bù trừ ngay với công nợ hàng hóa với nhà xuất bản)	331	334N	1,174,607	331	334N	1,174,607	
				331	632	2,763,780	331	421	2,763,780	
			Điều chỉnh phải thu tiền BHYT của các cán bộ nhân viên nghỉ việc dài ngày	1388	334n	247,385	1388	334N	247,385	
				1388	632	582,081	1388	421	582,081	
6	-		Điều chỉnh khoản bồi thường thiệt hại đã thu bằng tiền	1388c	711	6,116,639	1388C	421	6,116,639	
				1388	711	383,361	1388	421	383,361	
7	-		Điều chỉnh bảo hiểm xã hội hạch toán thiếu do nhầm lẫn	334N	3383	359,999	334N	3383	359,999	

Stt	Mã ĐV	Tham chiếu	Nội dung nghiệp vụ	Điều chỉnh trên KQKD và CDKT			Điều chỉnh trên CDKT			Ghi chú	Ý kiến khách hàng	
				TK Nợ	TK Có	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Số tiền		Nội dung	Ngày
8	-		Điều chỉnh bút toán công nợ ghi nhận nhằm đối tượng mã mã 13D0023 và mã mã 13D0002	131	131c	4,249,195	131	131C	4,249,195			
9	-		Điều chỉnh số dư công nợ lẻ	331	711	208	331	421	208			
10	-		Điều chỉnh giảm chi phí tiền điện trích quá trong kỳ	331	632	265,001	331	421	265,001			
11	-		Điều chỉnh nghĩa vụ thuế TNDN do ảnh hưởng của các bút toán trên	8211	3334	2,527,768	421	3334	2,527,768			
			Cộng năm nay			2,713,976,604			2,713,976,604			
			NĂM TRƯỚC									
			Cộng năm trước			-			-			

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-20

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Diên Hồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Chủ tịch - bổ nhiệm ngày 20/04/2010
Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch - miễn nhiệm ngày 20/04/2010
Ông Hoàng Văn Thòa	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Thực	Ủy viên - miễn nhiệm ngày 20/04/2010
Bà Trần Thị Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ủy viên - bổ nhiệm ngày 24/04/2010
Bà Mạc Thị Thoa	Ủy viên - miễn nhiệm ngày 13/01/2010

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Văn Thòa	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên
Ông Hồ Quốc Khánh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIỄN HỒNG

Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đinh Ngọc Thục

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần In Diên Hồng được lập ngày 05 tháng 01 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến soát xét viên

Công ty đang trình bày khoản chênh lệch giữa Quỹ lương theo đơn giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ và lương thực trả cho cán bộ nhân viên theo cơ chế chi trả lương của Công ty số tiền -2.231.340.470 đồng như một khoản phải thu cán bộ nhân viên trên Báo cáo tài chính năm 2010.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Trần Quang Mầu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		20,316,250,188	21,377,822,426
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1,526,235,448	3,026,841,538
111	1. Tiền	3	1,526,235,448	2,026,841,538
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8,232,451,520	4,124,130,960
131	1. Phải thu của khách hàng		2,026,037,120	1,967,271,628
132	2. Trả trước cho người bán		2,693,453,200	312,000,000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	3,572,195,430	1,904,970,198
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(59,234,230)	(60,110,866)
140	IV. Hàng tồn kho		10,234,606,048	13,264,672,735
141	1. Hàng tồn kho	5	10,234,606,048	13,264,672,735
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		322,957,172	962,177,193
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		223,875,538	794,502,457
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	286,838	232,935
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	98,794,796	167,441,801
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5,955,080,143	7,319,584,408
220	II. Tài sản cố định		5,955,080,143	7,319,584,408
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	5,948,480,143	7,319,584,408
222	- Nguyên giá		20,045,761,837	19,935,761,837
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(14,097,281,694)	(12,616,177,429)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	6,600,000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		26,271,330,331	28,697,406,834

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10,505,205,074	12,987,142,128
310	I. Nợ ngắn hạn		10,251,719,415	12,721,959,330
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	-	7,982,666,633
312	2. Phải trả người bán		8,868,365,508	3,445,557,470
313	3. Người mua trả tiền trước		175,524,994	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	33,679,387	7,666,233
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	1,235,581,351	1,198,190,803
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(61,431,825)	87,878,191
330	II. Nợ dài hạn		253,485,659	265,182,798
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		253,485,659	265,182,798
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		15,766,125,257	15,710,264,706
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	15,766,125,257	15,710,264,706
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		13,831,800,000	13,831,800,000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1,454,245,544	1,454,245,544
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		9,265,162	67,526,718
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		470,814,551	356,692,444
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		26,271,330,331	28,697,406,834

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3,166,158	3,166,158

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực
Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		25,205,438,009	28,973,518,532
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	25,205,438,009	28,973,518,532
11	4. Giá vốn hàng bán	15	22,921,363,415	26,128,183,367
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2,284,074,594	2,845,335,165
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	52,612,934	96,845,380
22	7. Chi phí tài chính	17	346,471,300	218,777,900
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	218,777,900
24	8. Chi phí bán hàng		253,556,353	300,923,050
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2,053,503,033	2,311,215,998
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(316,843,158)	111,263,597
31	11. Thu nhập khác		1,110,181,395	848,863,356
32	12. Chi phí khác		138,037,819	74,979,441
40	13. Lợi nhuận khác		972,143,576	773,883,915
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		655,300,418	885,147,512
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	184,485,867	77,450,406
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>470,814,551</u>	<u>807,697,106</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	340	584

Trần Thị Lan

Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực

Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		28,576,965,392	30,257,835,949
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(12,215,525,230)	(26,345,708,852)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(4,421,777,541)	(5,184,495,530)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(346,471,300)	(216,318,835)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(159,343,313)	(12,193,737)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		302,184,440	12,172,106
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2,382,810,939)	(1,408,857,240)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9,353,221,509	(2,897,566,139)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2,508,819,900)	(331,428,572)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		52,612,934	96,845,380
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2,456,206,966)	(234,583,192)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2,841,598,415	11,223,799,817
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(10,824,265,048)	(6,865,851,396)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(414,954,000)	(1,106,544,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8,397,620,633)	3,251,404,421
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1,500,606,090)	119,255,090
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3,026,841,538	2,907,586,448
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1,526,235,448	3,026,841,538

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực
Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 13.831.800.000 đồng (Mười ba tỷ tám trăm ba mươi một triệu tám trăm ngàn đồng chẵn). Tương đương với 1.383.180 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103004371 ngày 13 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 17/9/2009 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in;
- In tranh ảnh giáo dục;
- Sản xuất và mua bán thiết bị giáo dục;
- Đại lý phát hành sách giáo khoa, sách tham khảo và các ấn phẩm văn hóa khác;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động thương mại của Công ty là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	110,544,362	52,210,123
Tiền gửi ngân hàng	1,415,691,086	1,974,631,415
	1,526,235,448	2,026,841,538

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu người lao động	2,231,343,740	692,219,133
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại Hà Tây	848,605,300	848,605,300
Vật tư cho Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục vay	317,380,268	76,831,230
Phân xưởng máy vay giấy và mực		56,250,992
Phải thu khác	174,866,122	231,063,543
	3,572,195,430	1,904,970,198

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7,519,997,989	11,111,197,713
Công cụ, dụng cụ	12,349,282	16,431,111
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,298,750,202	1,737,091,564
Thành phẩm	402,405,138	363,434,896
Hàng gửi đi bán	1,103,437	36,517,451
	10,234,606,048	13,264,672,735

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	286,838	232,935
	286,838	232,935

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	98,794,796	167,441,801
	98,794,796	167,441,801

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	6,600,000	-
- Máy in OFFSET CITYLINE EXPRESS	6,600,000	-
	6,600,000	-

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	7,982,666,633
- Vay ngân hàng	-	7,982,666,633
	-	7,982,666,633

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	31,991,587	6,849,033
Thuế Thu nhập cá nhân	1,687,800	817,200
	33,679,387	7,666,233

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	46,459,032	48,670,391
Bảo hiểm xã hội	72,616,022	70,550,933
Bảo hiểm thất nghiệp	5,267,506	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	20,000,000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33,000,000	-
Tiền đền bù đất nhận của NXB Giáo dục	1,000,000,000	1,000,000,000
Phải trả, phải nộp khác	78,238,791	58,969,479
	1,235,581,351	1,198,190,803

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	13,831,800,000	13,831,800,000
- Vốn góp cuối năm	13,831,800,000	13,831,800,000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	356,692,444	576,242,324
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên Quỹ dự phòng tài chính	58,261,556	530,301,676

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1,383,180	1,383,180
- Cổ phiếu phổ thông	1,383,180	1,383,180
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,383,180	1,383,180
- Cổ phiếu phổ thông	1,383,180	1,383,180

e) Các quỹ công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,454,245,544	1,454,245,544
Quỹ dự phòng tài chính	9,265,162	67,526,718
	1,463,510,706	1,521,772,262

14 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	25,205,438,009	28,973,518,532
	25,205,438,009	28,973,518,532

15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	22,921,363,415	26,128,183,367
	22,921,363,415	26,128,183,367

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52,612,934	96,845,380
	52,612,934	96,845,380

17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	346,471,300	218,777,900
	346,471,300	218,777,900

18 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	655,300,418	885,147,512
- Các khoản điều chỉnh tăng	82,643,047	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	737,943,465	885,147,512
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	184,485,867	221,286,878
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(143,836,472)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	184,485,867	77,450,406

19 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	470,814,551	807,697,106
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	470,814,551	807,697,106
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1,383,180	1,383,180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	340	584

20 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17,702,250,425	20,085,544,839
Chi phí nhân công	2,258,162,721	3,098,016,319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,481,104,265	1,487,263,539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,396,191,464	2,495,282,901
Chi phí khác bằng tiền	390,713,926	1,574,214,817
	25,228,422,801	28,740,322,415

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

22 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn theo đơn đặt hàng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng		
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	74,356,353
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	16,292,064,497
- Tạp chí toán học tuổi trẻ	Đơn vị thuộc NXBGD	328,425,168
- Tạp chí văn học tuổi trẻ	Đơn vị thuộc NXBGD	612,351,043
- Tạp chí toán tuổi thơ	Đơn vị thuộc NXBGD	619,067,809
- Công ty CP SGK tại TP Hồ Chí Minh	Đơn vị thuộc NXBGD	1,913,568,411
- Công ty CP Sách ĐH - Dạy nghề	Đơn vị thuộc NXBGD	1,035,023,399
- Công ty CP thiết kế và PHS Giáo dục	Đơn vị thuộc NXBGD	17,000,000
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	91,461,688
- Công ty CP Sách Dân tộc	Đơn vị thuộc NXBGD	749,680,972
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	1,295,863,445
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	132,509,086
Mua hàng		
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	4,245,460,804

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2010 VND
Phải thu		
- Tạp chí văn học tuổi trẻ	Đơn vị thuộc NXBGD	65,704,560
- Tạp chí toán tuổi thơ	Đơn vị thuộc NXBGD	100,000,000
- Công ty CP SGK tại TP Hồ Chí Minh	Đơn vị thuộc NXBGD	205,930,025
- Công ty CP Sách ĐH - Dạy nghề	Đơn vị thuộc NXBGD	100,000,000
- Công ty CP thiết kế và PHS Giáo dục	Đơn vị thuộc NXBGD	270,000
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	8,000,000
- Công ty CP Sách Dân tộc	Đơn vị thuộc NXBGD	540,812,197
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	106,028,776
Phải trả		
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	171,257,799
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	1,706,486,272

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ phải trả	300	12,987,142,128	12,899,263,937
Nợ ngắn hạn	310	12,721,959,330	12,634,081,139
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	87,878,191	
Vốn chủ sở hữu	400	15,710,264,706	15,798,142,897
Nguồn kinh phí và các quỹ	430	-	87,878,191
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	-	87,878,191

Trần Thị Lan

Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thục

Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIỄN HỒNG

Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2,877,629,520	15,785,478,006	1,057,548,638	215,105,673	19,935,761,837
Số tăng trong năm	-	-	110,000,000	-	110,000,000
- Mua sắm mới	-	-	110,000,000	-	110,000,000
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2,877,629,520	15,785,478,006	1,167,548,638	215,105,673	20,045,761,837
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	2,381,040,300	9,488,412,141	531,619,315	215,105,673	12,616,177,429
Số tăng trong năm	151,215,076	1,189,321,032	140,568,157	-	1,481,104,265
- Trích khấu hao	151,215,076	1,189,321,032	140,568,157	-	1,481,104,265
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2,532,255,376	10,677,733,173	672,187,472	215,105,673	14,097,281,694
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu năm	496,589,220	6,297,065,865	525,929,323	-	7,319,584,408
Cuối năm	345,374,144	5,107,744,833	495,361,166	-	5,948,480,143

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.047.934.910 đồng
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Công ty đã ký hợp đồng ủy thác nhập khẩu 1 máy in OFFSET CITYLINE EXPRESS giá trị hợp đồng 605.999,76 USD gồm cả phí ủy thác trong năm 2011.

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13,831,800,000	1,310,409,073	572,350,362	576,242,324	16,290,801,759
Lãi/lỗ trong năm trước				807,697,106	807,697,106
Phân phối quỹ		143,836,471	25,478,032	(169,314,503)	-
Chi trả cổ tức				(576,242,324)	(576,242,324)
Giảm khác			(530,301,676)	(281,690,159)	(811,991,835)
Số dư đầu năm	13,831,800,000	1,454,245,544	67,526,718	356,692,444	15,710,264,706
Lãi/lỗ trong năm				470,814,551	470,814,551
Chi trả cổ tức			(58,261,556)	(356,692,444)	(414,954,000)
Số dư cuối năm	13,831,800,000	1,454,245,544	9,265,162	470,814,551	15,766,125,257

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	7,054,218,000	51.00%	7,054,218,000	51.00%
Vốn góp của đối tượng khác	6,777,582,000	49.00%	6,777,582,000	49.00%
	13,831,800,000	100.00%	13,831,800,000	100.00%